

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17 - 6 - 2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Hoàng Anh.

Ông Lê Xuân Nghiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020; Thông báo chuyển ngày xét xử vụ án dân sự số 01/TB-TA, ngày 8 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị H, sinh năm 1976; cư trú tại: Đường B, khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Thái S, sinh năm 1973; cư trú tại: Đường B, khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2019, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Thái S kết hôn từ năm 1994, anh chị có được tình yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2011, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S chơi bời, cờ

bạc, ngoại tình, không chăm lo đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S không thay đổi, thậm chí anh còn bỏ đi ở với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Từ năm 2011 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh S nữa, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Hà Thái S có 02 con chung là Hà Thị Thủy T, sinh ngày 26/10/1995 và Hà Lệ C, sinh ngày 01/11/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Hà Thái S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị H kết hôn từ năm 1994, anh chị có được tình hiểu yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, trong thời gian chung sống với chị H anh có quan hệ ngoại tình và đã có con riêng, từ năm 2011 đến nay vợ chồng anh do mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân anh, chị không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị H xin ly hôn với anh, anh không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ, anh biết mình sai nhưng anh không muốn vợ chồng ly hôn, anh sẽ có trách nhiệm với chị H và cả với người phụ nữ riêng của anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị H có 02 con chung là Hà Thị Thủy T, sinh ngày 26/10/1995 và Hà Lệ C, sinh ngày 01/11/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự do có 02 lần không có mặt theo giấy triệu tập.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 02 con chung là Hà Thị Thủy T, sinh ngày 26/10/1995 và Hà Lệ C, sinh ngày 01/11/2001, do các con đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Nông Thị H và anh Hà Thái S, cả chị H, anh S đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của chị H, anh S không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nông Thị H và có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn. Bị đơn anh Hà Thái S có địa chỉ tại đường B, khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 1994, chị Nông Thị H và anh Hà Thái S về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Đến năm 2011, anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S có quan hệ với người khác, anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị H xin ly hôn, anh S không đồng ý có nguyện vọng muốn vợ chồng quay về đoàn tụ chung sống. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau, anh S muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống nhưng anh không có biện pháp gì để giải quyết dứt điểm mâu thuẫn vợ chồng, hơn nữa, anh đã vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, vi phạm điều cấm của pháp luật quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình. Nếu chị H, anh S quay về đoàn tụ chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị H được ly hôn với anh S là có căn cứ. Vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H, anh S có 02 con chung là Hà Thị Thủy T, sinh ngày 26/10/1995 và Hà Lệ C, sinh ngày 01/11/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên chị H, anh S không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh S được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị H - Xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn anh Hà Thái S.
2. Về con chung: Có 02 con chung là Hà Thị Thủy T, sinh ngày 26/10/1995 và Hà Lệ C, sinh ngày 01/11/2001, các con đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0001801, ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND thị trấn H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Tuyết**